

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tháng 03 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 33
PHỤ LỤC CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018	34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vương Đỗ Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Hồng Loan	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vương Đỗ Hải	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Kim Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Vương Đỗ Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019



Số: 231/VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (gọi chung là "Báo cáo tài chính tổng hợp").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề nhân mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà với số tiền là 23.591.020.260 đồng liên quan đến khoản truy thu tiền thuế đất và thu sử dụng đất tại công ty này cho giai đoạn từ ngày 12/10/2006 đến ngày 31/12/2017.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp: Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội và Công ty Cổ phần Đô thị Sinh thái Văn Nội chưa được kiểm toán.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 6 và thuyết minh số 8 Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp: Tại ngày cuối năm, Công ty có một số khoản công nợ phải thu khách hàng và các khoản tạm ứng cho nhân viên tồn đọng từ trước thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần chưa được đối chiếu xác nhận đã được Công ty trích lập dự phòng lần lượt là 2.166.474.220 đồng và 551.691.851 đồng.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



[Signature]
Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

[Signature]
Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0917-2018-156-1

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUỲNH MAI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: **03-10-2019**

Số chứng thực **6468 - Quyển số** SCT/BS



[Signature]
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		384.767.790.766	369.995.932.196
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.132.467.471	13.660.526.247
1. Tiền	111		6.132.467.471	4.660.526.247
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	9.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	337.400.000.000	315.025.845.443
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		337.400.000.000	315.025.845.443
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.530.304.673	24.648.628.742
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.154.680.125	4.359.736.911
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	816.294.225	1.318.770.579
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.606.870.885	18.989.892.252
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.047.540.562)	(19.771.000)
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.956.716.262	3.538.164.278
1. Hàng tồn kho	141		3.299.211.972	3.538.164.278
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(342.495.710)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.748.302.360	13.122.767.486
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.437.738.724	2.937.533.439
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	10.310.563.636	10.185.234.047
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		400.383.871.193	440.700.452.732
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.413.881.257	9.201.709.232
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	1.326.861.998	1.326.861.998
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	9.087.019.259	7.874.847.234
II. Tài sản cố định	220		28.877.727.096	34.595.210.270
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	28.738.182.386	34.515.931.016
- Nguyên giá	222		70.302.323.526	71.207.834.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.564.141.140)	(36.691.903.589)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	139.544.710	79.279.254
- Nguyên giá	228		737.191.000	632.191.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(597.646.290)	(552.911.746)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	41.277.092.834	40.996.340.272
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		41.277.092.834	40.996.340.272
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	299.495.784.548	332.458.825.176
1. Đầu tư vào công ty con	251		132.757.019.388	132.757.019.388
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		122.529.081.902	122.529.081.902
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		79.330.795.360	79.330.795.360
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.121.112.102)	(2.158.071.474)
V. Tài sản dài hạn khác	260		20.319.385.458	23.448.367.782
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	19.691.484.085	22.818.916.412
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		627.901.373	629.451.370
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		785.151.661.959	810.696.384.928

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		36.832.109.424	45.215.557.880
I. Nợ ngắn hạn	310		21.792.938.637	29.974.447.093
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	12.435.831.340	12.923.836.020
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		303.955.193	489.239.997
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	22.296.110	74.839.508
4. Phải trả người lao động	314		1.787.457.575	948.943.461
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	678.593.961	2.121.332.883
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.395.854.677	7.911.308.843
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.168.949.781	5.504.946.381
II. Nợ dài hạn	330		15.039.170.787	15.241.110.787
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	15.039.170.787	15.241.110.787
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		748.319.552.535	765.480.827.048
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	748.319.552.535	765.480.827.048
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		769.000.000.000	769.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		769.000.000.000	769.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		659.046	659.046
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế	421		(20.681.106.511)	(3.519.831.998)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.519.831.998)	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(17.161.274.513)	(3.519.831.998)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		785.151.661.959	810.696.384.928



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		297.683.802.139
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.378.889.607
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	291.304.912.532
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	22	276.638.607.141
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.666.305.391
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	53.348.865.700
7. Chi phí tài chính	22	24	33.118.631.824
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-
8. Chi phí bán hàng	25	25	25.357.312.215
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	24.004.099.656
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(14.464.872.604)
11. Thu nhập khác	31	27	842.697.681
12. Chi phí khác	32	28	3.539.099.590
13. Lỗ từ hoạt động kinh doanh khác (40 = 31 - 32)	40		(2.696.401.909)
14. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(17.161.274.513)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-
16. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(17.161.274.513)



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	311.495.045.625
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(307.381.817.240)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.328.393.359)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(28.494.163)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	18.919.469.121
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(27.055.183.179)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18.379.373.195)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(154.765.620)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(337.400.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	315.025.845.443
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	40.380.234.596
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.851.314.419
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(528.058.776)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.660.526.247
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	13.132.467.471



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà, doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26/01/1993 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17/11/2010 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 01/07/2017, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**Ngành nghề kinh doanh:**

- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý buôn lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong cửa hàng chuyên doanh; Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thiết bị trường học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn dược phẩm; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng bệnh viện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Trang trí nội thất;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm lập dự toán, tổng dự toán, và chi phí đầu tư xây dựng công trình);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh: Sản xuất mỹ phẩm;
- Điều hành tua du lịch: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic: Sản xuất bao bì từ plastic;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hoạt động chính:

- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Công ty:

Công ty có 01 đơn vị phụ thuộc: Nhà máy nước tinh khiết Opal; Địa chỉ: Số 300 Trường Chinh, phường Vỹ Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước tinh khiết.

Danh sách các công ty con:

1. Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội;
2. Công ty Cổ phần Tràng An;
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế.

Danh sách các công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà;
2. Công ty Cổ phần Đồng Tháp;
3. Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội.

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 5.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu báo cáo tài chính văn phòng và báo cáo Nhà máy nước tinh khiết Opal và loại trừ các giao dịch và số dư nội bộ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của phần mềm máy tính. Các phần mềm này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và chi phí sửa chữa tài sản được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 phân bổ trong vòng 10 năm; giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán tổng hợp. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có khoản lỗ lũy kế tính thuế chưa sử dụng là 111.003.251.631 VND có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên trong báo cáo này, Công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho số lỗ này do Công ty chưa chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	255.364.556	341.465.188
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.877.102.915	4.319.061.059
Các khoản tương đương tiền (i)	7.000.000.000	9.000.000.000
	13.132.467.471	13.660.526.247

Ghi chú: (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,5%/năm tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	337.400.000.000	337.400.000.000	315.025.845.443	315.025.845.443
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	337.400.000.000	337.400.000.000	315.025.845.443	315.025.845.443

Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ

Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai,
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc (i)	Giá trị sổ sách (ii)	Dự phòng	Giá trị sổ sách (ii)	Giá trị hợp lý
	Giá gốc (i)	Dự phòng	Giá gốc (i)	Dự phòng							
	VND	VND	VND	VND							
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác											
- Đầu tư vào công ty con											
Công ty CP Bánh Mít Kẹo Hà Nội	8.925.000.000	-	22.750.513.031	-	(*)	131.169.900.000	132.757.019.388	(32.548.662.990)	8.925.000.000	22.750.513.031	(2.158.071.474)
Công ty CP Trảng An	11.491.000.000	-	52.136.859.827	-	(*)	11.491.000.000	52.136.859.827	-	11.491.000.000	52.136.859.827	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Hà (iii)	18.603.900.000	(23.591.020.260)	23.591.020.260	(8.957.642.730)	(*)	18.603.900.000	23.591.020.260	(23.591.020.260)	18.603.900.000	23.591.020.260	-
Công ty CP Rượu Quốc tế	92.150.000.000	-	34.278.626.270	-	(*)	92.150.000.000	34.278.626.270	(8.957.642.730)	92.150.000.000	34.278.626.270	(2.158.071.474)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết											
Công ty CP Giấy Ngọc Hà	5.572.000.000	-	7.970.798.009	-	(*)	5.572.000.000	7.970.798.009	-	5.572.000.000	7.970.798.009	-
Công ty CP Đồng Tháp	3.540.000.000	-	-	-	(*)	3.540.000.000	-	-	3.540.000.000	-	-
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	80.000.000.000	-	85.312.418.781	-	(*)	80.000.000.000	85.312.418.781	-	80.000.000.000	85.312.418.781	-
Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	25.163.600.000	(2.572.449.112)	29.245.865.112	(2.572.449.112)	(**)	25.163.600.000	29.245.865.112	(2.572.449.112)	25.163.600.000	29.245.865.112	-
- Đầu tư vào đơn vị khác											
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	4.116.500.000	-	4.427.249.874	-	(*)	4.116.500.000	4.427.249.874	-	4.116.500.000	4.427.249.874	-
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	37.264.000.000	-	60.894.782.516	-	(*)	37.264.000.000	60.894.782.516	-	37.264.000.000	60.894.782.516	-
Công ty CP Đô thị sinh thái Văn Nội	14.000.000.000	-	14.008.762.970	-	(*)	14.000.000.000	14.008.762.970	-	14.000.000.000	14.008.762.970	-
Cộng	300.826.000.000	(35.121.112.102)	334.616.896.650	(35.121.112.102)		300.826.000.000	334.616.896.650	(35.121.112.102)	300.826.000.000	334.616.896.650	(2.158.071.474)

Ghi chú:

- (i) Giá gốc các khoản đầu tư theo số liệu trước thời điểm cổ phần hóa.
- (ii) Giá trị các khoản đầu tư ghi nhận trên sổ sách theo số liệu bàn giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần.
- (iii) Trong năm 2018, Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà với số tiền tương ứng với 100% giá trị sổ sách khoản đầu tư này do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phát sinh khoản truy thu tiền thuế đất và thu sử dụng đất cho giai đoạn từ ngày 12/10/2006 đến ngày 31/12/2017.
- (*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.
- (**) Đánh giá trích lập dự phòng theo giá trị hợp lý theo giá niêm yết trên thị trường tại ngày 31/12/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty con/ công ty liên doanh/ công ty liên kết trong năm:

Trong năm 2018, các Công ty đều hoạt động có lãi trừ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà, Công ty Cổ phần Rượu Quốc Tế.

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội và Công ty Cổ phần Đô thị Sinh thái Văn Nội chưa được kiểm toán. Báo cáo của Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

c) Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Đầu tư vào công ty con					
Công ty Cổ phần Bánh Mút Kẹo Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	892.500	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh các loại bánh, mứt, kẹo
Công ty Cổ phần Tráng An	Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	1.149.100	51,76%	51,76%	Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất ca cao, sô cô la và mứt, kẹo
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	1.860.390	88,59%	88,59%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	9.215.000	68,44%	68,44%	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội	557.200	29,33%	29,33%	Sản xuất giấy dếp
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	354.000	25,29%	25,29%	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	8.000.000	37,23%	37,23%	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	2.516.360	40,00%	40,00%	Sản xuất, kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe con người

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.154.680.125	2.166.474.220	4.359.736.911	-
Công ty Cổ phần Nhất Nam	578.253.589	-	772.664.033	-
Công ty Cổ phần DVTM Tổng hợp VINCOMMERCE	423.380.938	-	299.679.623	-
Công ty TNHH Trần Liên Hưng	255.237.803	255.237.803	255.237.803	-
CN số 3 Hà Nội - Công ty CP Cửa Hiệu và Sức Sống	226.425.065	-	212.269.893	-
Nhà máy Bia Đông Nam Á	164.253.835	164.253.835	164.253.835	-
Các đối tượng khác	3.507.128.895	1.746.982.582	2.655.631.724	-
b) Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan	217.847.043	-	-	-
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	7.922.990	-	6.343.986	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	15.480.036	-	15.480.036	-
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	1.405.995	-	3.552.989	-
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	188.688.028	-	56.522.000	-
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	4.349.994	-	4.349.994	-

Số dư tại ngày cuối năm có một số khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận là 2.194.565.368 đồng (tại ngày đầu năm là 2,2 tỷ đồng)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	816.294.225	1.318.770.579
Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội	-	294.492.000
Các đối tượng khác	816.294.225	1.024.278.579
b) Trả trước cho người bán dài hạn	1.326.861.998	1.326.861.998
Công ty CP Đầu tư xây dựng và kỹ thuật Vinaconex	1.030.636.998	1.030.636.998
Các đối tượng khác	296.225.000	296.225.000

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	15.606.870.885	861.295.342	18.989.892.252	-
Tạm ứng	2.202.771.844	551.691.851	1.144.462.839	-
Phải thu về cổ tức và LN được chia	1.633.280.000	-	3.191.610.000	-
Phải thu khác	11.770.819.041	309.603.491	14.653.819.413	-
- CTCP Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam	-	-	5.000.000.000	-
- Ông Phan Quang Lễ	309.603.491	309.603.491	309.603.491	-
- Lãi dự thu	11.242.041.095	-	9.208.983.622	-
- Các đối tượng khác	219.174.455	-	135.232.300	-
b) Phải thu khác dài hạn	9.087.019.259	-	7.874.847.234	-
CTCP Thăng Long - Đông Anh (i)	9.087.019.259	-	7.874.847.234	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền thuê đất và thuê đất trả thay cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Hợp đồng góp vốn số 27/2009/HĐGV ngày 30/07/2009 về việc hợp tác đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh” và Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15/09/2016, Phụ lục I ngày 16/09/2016 về việc Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình trong Dự án cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	4.917.371.344	1.869.830.782	4.917.371.344	4.897.600.344
Công ty TNHH Trần Liên Hưng	255.237.803	-	255.237.803	255.237.803
NPP Ngô Đức Thuận	105.710.002	-	105.710.002	105.710.002
Nhà máy Bía Đông Nam Á	164.253.835	-	164.253.835	164.253.835
Phan Quang Lễ	309.603.491	-	309.603.491	309.603.491
Lê Khắc Huy	495.103.751	-	495.103.751	495.103.751
Các đối tượng khác	3.587.462.462	1.869.830.782	3.587.462.462	3.567.691.462

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	256.159.893	-	256.816.763	-
Công cụ, dụng cụ	1.634.447.006	-	1.767.374.876	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.658.395	-	4.624.478	-
Thành phẩm	74.055.943	-	22.418.492	-
Hàng hoá	966.511.379	-	1.079.400.618	-
Hàng gửi đi bán	364.379.356	342.495.710	407.529.051	-
	3.299.211.972	342.495.710	3.538.164.278	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	27.383.552.053	35.511.243.185	5.325.000.636	2.988.038.731	71.207.834.605
Tăng do mua sắm	-	-	-	102.514.200	102.514.200
Tăng khác	63.841.601	-	-	-	63.841.601
Giảm khác (i)	(1.071.866.880)	-	-	-	(1.071.866.880)
Số dư cuối năm	26.375.526.774	35.511.243.185	5.325.000.636	3.090.552.931	70.302.323.526
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	9.669.439.827	21.694.508.413	3.403.889.264	1.924.066.085	36.691.903.589
Khấu hao trong năm	1.407.254.837	3.272.301.372	592.287.144	295.231.903	5.567.075.256
Giảm khác (i)	(694.837.705)	-	-	-	(694.837.705)
Số dư cuối năm	10.381.856.959	24.966.809.785	3.996.176.408	2.219.297.988	41.564.141.140
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	17.714.112.226	13.816.734.772	1.921.111.372	1.063.972.646	34.515.931.016
Số dư cuối năm	15.993.669.815	10.544.433.400	1.328.824.228	871.254.943	28.738.182.386

Ghi chú:

- (i) Trong năm Công ty điều chỉnh Giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế của nhà xưởng nhà máy nước Opal Nam Định do hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2014 xác định sai diện tích nhà máy.
- (ii) Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.086.546.183 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.654.185.448 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	632.191.000	632.191.000
Tăng do mua sắm	105.000.000	105.000.000
Số dư cuối năm	737.191.000	737.191.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	552.911.746	552.911.746
Khấu hao trong năm	44.734.544	44.734.544
Số dư cuối năm	597.646.290	597.646.290
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	79.279.254	79.279.254
Số dư cuối năm	139.544.710	139.544.710

Tại ngày 31/12/2018, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 262.500.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀSố 254 Minh Khai, phường Minh Khai,
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**MÃ SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

13. TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án 87 Lĩnh Nam (i)	40.057.876.364	40.000.000.000
Dự án vườn sinh thái Việt Hà	749.157.798	639.681.818
Dự án xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	363.952.308	106.272.727
Dự án cải tạo khu làm việc và SXKD 254 Minh Khai	106.106.364	-
Dự án cải tạo, nâng tầng nhà Văn phòng 254 Minh Khai	-	250.385.727
	41.277.092.834	40.996.340.272

Ghi chú: (i) Bao gồm 40.000.000.000 VND là khoản quyền lợi Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà được hưởng khi thực hiện dự án tại số 87 phố Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
Dài hạn	19.691.484.085	22.818.916.412
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.550.569.837	5.719.735.730
Chi phí sửa chữa	16.685.295	69.278.862
Lợi thế kinh doanh (i)	14.411.856.022	16.107.368.494
Giá trị quyền sử dụng đất	556.916.654	584.083.322
Chi phí trả trước dài hạn khác	155.456.277	338.450.004

Ghi chú: (i) Lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	12.435.831.340	12.435.831.340	12.923.836.020	12.923.836.020
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	9.183.572.538	9.183.572.538	11.481.870.921	11.481.870.921
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	499.960.240	499.960.240	229.217.439	229.217.439
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng và Dịch vụ thương mại T&T	763.923.000	763.923.000	-	-
Công ty TNHH Một thành viên HT-VINA	486.677.854	486.677.854	-	-
Các đối tượng khác	1.501.697.708	1.501.697.708	1.212.747.660	1.212.747.660
b) Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	9.683.532.778	9.683.532.778	11.711.088.360	11.711.088.360
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	9.183.572.538	9.183.572.538	11.481.870.921	11.481.870.921
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	499.960.240	499.960.240	229.217.439	229.217.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	21.919.917	938.515.389	951.207.182	9.228.124
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.900.431	-	26.900.431	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.180.128	768.018.776	770.311.580	9.887.324
Thuế tài nguyên	369.120	40.520.488	37.890.560	2.999.048
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.977.317.031	2.977.317.031	-
Các loại thuế khác	13.469.912	4.608.497	17.896.795	181.614
	74.839.508	4.728.980.181	4.781.523.579	22.296.110
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.593.732	1.593.732
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	3.819.144.367	-	123.735.857	3.942.880.224
Các loại thuế khác	6.366.089.680	-	-	6.366.089.680
Cộng	10.185.234.047	-	125.329.589	10.310.563.636

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.395.854.677	7.911.308.843
Kinh phí công đoàn	74.893.772	66.632.711
Bảo hiểm xã hội	-	22.270.423
Bảo hiểm y tế	-	5.366.671
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.874.187
Phải trả về cổ phần hoá	-	6.714.222.488
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	30.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.290.960.905	1.070.942.363
<i>Ban dự án đầu tư</i>	-	245.875.495
<i>Các đối tượng khác</i>	2.290.960.905	825.066.868
b) Dài hạn	15.039.170.787	15.241.110.787
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.239.170.787	10.441.110.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.800.000.000	4.800.000.000
- Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh (i)	4.800.000.000	4.800.000.000

Ghi chú: (i) Khoản góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15/09/2016 và Phụ lục I ngày 16/09/2016 về việc xác định nghĩa vụ tài chính phải trả về việc hợp tác đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh"

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	678.593.961	2.121.332.883
Trích trước tiền thuê nhà	-	1.062.403.636
Trích trước chi phí vận chuyển	98.110.407	136.870.768
Chi phí phải trả khác	580.483.554	922.058.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	599.123.218.600	-	-	-	5.376.261.998	604.499.480.598
Tăng vốn trong năm	162.924.531.155	659.046	12.058.152.666	-	-	174.983.342.867
Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra thuế	8.940.800	-	-	(342.567.557)	(347.380.407)	(681.007.164)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.133.759.954	(6.990.871.327)	(4.857.111.373)
Nộp lợi nhuận sau phân phối	-	-	-	-	(121.661.848)	(121.661.848)
Kết chuyển tăng vốn Nhà nước	6.943.309.445	-	(12.058.152.666)	5.114.843.221	-	-
Phải nộp Ngân sách	-	-	-	(6.906.035.618)	-	(6.906.035.618)
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	(1.396.688.401)	(1.396.688.401)
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	(39.492.013)	(39.492.013)
Số dư đầu năm nay	769.000.000.000	659.046	-	-	(3.519.831.998)	765.480.827.048
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	(17.161.274.513)	(17.161.274.513)
Số dư cuối năm nay	769.000.000.000	659.046	-	-	(20.681.106.511)	748.319.552.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 05 ngày 01/07/2017, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2018, vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	392.502.000.000	392.502.000.000
Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần	277.580.890.000	277.580.890.000
Các đối tượng khác	98.917.110.000	98.917.110.000
Cộng	769.000.000.000	769.000.000.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ngoại tệ các loại		
- USD	93,62	6.783,22

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>
	VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	297.683.802.139
Trong đó:	
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	251.890.532.400
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.793.269.739
	297.683.802.139
b) Trong đó doanh thu với các bên liên quan	10.060.845.912
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	9.575.939.322
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	288.046.815
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	155.990.766
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	19.527.288
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	12.659.933
Công ty Cổ phần Tràng An	8.681.788
c) Các khoản giảm trừ doanh thu	6.378.889.607
Trong đó:	
- Chiết khấu thương mại	6.279.789.159
- Hàng bán bị trả lại	99.100.448
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	291.304.912.532

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>
	VND
Giá vốn bán hàng hóa	228.756.970.176
Giá vốn cung cấp dịch vụ	47.539.141.255
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	342.495.710
	276.638.607.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.610.864.651
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.653.243.161
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.186.311
Doanh thu hoạt động tài chính khác	83.571.577
	<u>53.348.865.700</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính (i)	32.963.040.628
Chi phí tài chính khác	155.591.196
	<u>33.118.631.824</u>

Ghi chú: (i) Dự phòng khoản đầu tư góp vốn tại doanh nghiệp khác như trình bày tại Thuyết minh số 5

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	
Chi phí nhân viên	8.243.104.870
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	3.948.584.174
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.265.341.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.913.830.841
Chi phí khác bằng tiền	8.986.450.605
Cộng	<u>25.357.312.215</u>
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	
Chi phí nhân viên	11.527.501.719
Chi phí đồ dùng văn phòng	702.693.583
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.586.747.483
Thuế, phí và lệ phí	94.618.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.294.050.994
Dự phòng công nợ phải thu khó đòi	3.027.769.562
Chi phí bằng tiền khác	5.770.718.282
Cộng	<u>24.004.099.656</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.616.490.607
Chi phí nhân công	20.326.247.306
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.881.318.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.173.509.669
Chi phí khác bằng tiền	11.112.865.361
Chi phí trích lập dự phòng	3.370.265.272
	<u>96.480.696.879</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

27. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>
	VND
Thanh lý Công cụ dụng cụ	397.818.181
Điều chỉnh xác định giá trị doanh nghiệp	153.796.000
Các khoản khác	291.083.500
	842.697.681

28. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>
	VND
Chi phí khấu hao TSCĐ của các tài sản không sử dụng	1.568.907.204
Chênh lệch đánh giá lại tài sản (i)	538.613.107
Tiền thuê đất 96 Hàng Trống bổ sung	1.131.349.905
Các khoản khác	300.229.374
	3.539.099.590

Ghi chú:

(i) Điều chỉnh giá trị còn lại của nhà xưởng nhà máy nước Opal Nam Định do hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2014 xác định sai diện tích nhà máy.

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>
	VND
Lỗ trước thuế	(17.161.274.513)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(24.767.234.571)
Cộng: Chi phí không được trừ	3.886.008.590
<i>Thù lao HĐQT không chuyên trách</i>	346.909.000
<i>Khấu hao TSCĐ dùng sản xuất</i>	1.568.907.204
<i>Tiền thuê đất 96 Hàng Trống bổ sung</i>	1.131.349.905
<i>Các khoản chi phí không được trừ khác</i>	838.842.481
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	28.653.243.161
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	28.653.243.161
Thu nhập chịu thuế	(41.928.509.084)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Nhà máy Opal	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính là 24.767.234.571 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

30. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Công ty có các khoản lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế tại Văn phòng	110.854.403.535	68.995.739.412
Các khoản lỗ lũy kế tại nhà máy Opal	148.848.096	79.003.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

30. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ (Tiếp theo)

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến 31/12/2018 để tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã chuyển	Số lỗ tính thuế còn được chuyển
2014 (đã quyết toán)	2015 - 2019	23.813.047.807	-	23.813.047.807
2015 (đã quyết toán)	2016 - 2020	4.962.644.464	-	4.962.644.464
2016 (đã quyết toán)	2017 - 2021	17.133.730.042	-	17.133.730.042
6 tháng đầu năm 2017 (chưa quyết toán)	2018 - 2022	16.204.699.548	-	16.204.699.548
6 tháng cuối năm 2017 (chưa quyết toán)	2018 - 2022	6.960.620.686	-	6.960.620.686
2018 (chưa quyết toán)	2019 - 2023	41.928.509.084	-	41.928.509.084
Cộng		111.003.251.631	-	111.003.251.631

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(13.132.467.471)	(13.660.526.247)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	748.319.552.535	765.480.827.048
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.132.467.471	13.660.526.247
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.598.257.863	30.060.242.558
Đầu tư tài chính ngắn hạn	337.400.000.000	315.025.845.443
Đầu tư tài chính dài hạn	299.495.784.548	332.458.825.176
Tổng cộng	674.626.509.882	691.205.439.424
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	29.870.856.804	36.076.255.650
Chi phí phải trả	678.593.961	2.121.332.883
Tổng cộng	30.549.450.765	38.197.588.533

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.132.467.471	-	13.132.467.471
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.511.238.604	9.087.019.259	24.598.257.863
Đầu tư tài chính ngắn hạn	337.400.000.000	-	337.400.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	299.495.784.548	299.495.784.548
Tổng cộng	366.043.706.075	308.582.803.807	674.626.509.882
Số cuối kỳ			
Phải trả người bán và phải trả khác	14.831.686.017	15.039.170.787	29.870.856.804
Chi phí phải trả	678.593.961	-	678.593.961
Tổng cộng	15.510.279.978	15.039.170.787	30.549.450.765
Chênh lệch thanh khoản thuần	350.533.426.097	293.543.633.020	644.077.059.117

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.660.526.247	-	13.660.526.247
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.185.395.324	7.874.847.234	30.060.242.558
Đầu tư tài chính ngắn hạn	315.025.845.443	-	315.025.845.443
Đầu tư tài chính dài hạn	-	332.458.825.176	332.458.825.176
Tổng cộng	350.871.767.014	340.333.672.410	691.205.439.424
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	20.835.144.863	15.241.110.787	36.076.255.650
Chi phí phải trả	2.121.332.883	-	2.121.332.883
Tổng cộng	22.956.477.746	15.241.110.787	38.197.588.533
Chênh lệch thanh khoản thuần	327.915.289.268	325.092.561.623	653.007.850.891

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm 31/12/2018 ở mức thấp.

32. THÔNG TIN KHÁC

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để ký lại hợp đồng thuê đất khi chuyển sang Công ty cổ phần.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Bánh Mút Kẹo Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Tràng An	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Công ty con
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Ngoài giao dịch với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 19 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>
	VND
Mua Hàng	260.789.875.315
Công ty Cổ phần Bìa và Nước giải khát Việt Hà	258.741.295.627
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	1.971.573.654
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	56.372.788
Công ty Cổ phần Tràng An	20.633.246
Bán hàng	10.060.845.912
Công ty Cổ phần Bìa và Nước giải khát Việt Hà	9.575.939.322
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	288.046.815
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	155.990.766
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	19.527.288
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	12.659.933
Công ty Cổ phần Tràng An	8.681.788
Cổ tức	10.441.502.658
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	3.123.750.000
Công ty Cổ phần Tràng An	919.280.000
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	1.116.992.658
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	823.300.000
Công ty Cổ phần Bìa và nước giải khát Việt Hà	3.200.000.000
Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội	1.258.180.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Ngoài khoản phải thu, phải trả với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 6 - Phải thu của khách hàng, Thuyết minh số 15 - Phải trả người bán, Công ty có số dư với các bên liên quan:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu khác	1.633.280.000	3.191.610.000
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	714.000.000	1.517.250.000
Công ty Cổ phần Tràng An	919.280.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Hà	-	1.674.360.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Năm nay</u>
	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.238.733.394
	3.238.733.394

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp là số liệu tại ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán. Công ty không trình bày số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp do năm 2018 là năm tài chính đủ 12 tháng đầu tiên kể từ khi Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần (ngày 01/07/2017). Một số chỉ tiêu so sánh được trình bày lại do điều chỉnh của cơ quan thuế sau cổ phần hóa như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Điều chỉnh</u>	<u>Số đầu năm</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>(trình bày lại)</u>
				<u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn khác	136	58.986.749.360	(39.996.857.108)	18.989.892.252
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.580.751.671	5.604.482.376	10.185.234.047
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	996.340.272	40.000.000.000	40.996.340.272
Chi phí trả trước dài hạn	261	22.768.537.478	50.378.934	22.818.916.412
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	30.934.156	43.905.352	74.839.508
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.611.777.044	(490.444.161)	2.121.332.883
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.417.122.282	6.494.186.561	7.911.308.843
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.894.347.222	(389.400.841)	5.504.946.381
Thặng dư vốn cổ phần	412	901.755	(242.709)	659.046



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

PHỤ LỤC: CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018

	Năm 2018		
	VND	VND	VND
	Văn Phòng	Nhà máy Opal	Công ty
Lỗ trước thuế	(17.053.404.087)	(107.870.426)	(17.161.274.513)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(24.805.260.036)	38.025.465	(24.767.234.571)
Cộng: Chi phí không được trừ	3.847.983.125	38.025.465	3.886.008.590
Thu lao HĐQT không chuyên trách	346.909.000	-	346.909.000
Khấu hao TSCĐ dùng sản xuất	1.568.907.204	-	1.568.907.204
Các khoản phạt chậm nộp tiền thuê đất	1.131.349.905	-	1.131.349.905
Các khoản chi phí không được trừ khác	800.817.016	38.025.465	838.842.481
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	28.653.243.161	-	28.653.243.161
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.653.243.161	-	28.653.243.161
Thu nhập chịu thuế	(41.858.664.123)	(69.844.961)	(41.928.509.084)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-

C. P. H. H.

